BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ NGOẠI GIAO

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

---

TRẦN VIẾT TRUNG

# QUÁ TRÌNH HỢP TÁC GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN HỢP QUỐC TRÊN LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

**Chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế**
**Mã số: 62310206**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**
**CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**Hà Nội, năm 2017**

Công trình được hoàn thành tại: Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Võ Kim Cương
2. TS. Doãn Mai Linh

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Phương Bình
Học viện Ngoại giao

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thị Quế
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Phản biện 3: GS.TS. Trần Thị Vinh
Đại học Sư phạm Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại Học viện Ngoại giao

Vào hồi ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Ngoại giao

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Trong suốt thế kỷ XX đến nay, thế giới phải đối phó với nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống, trong đó một trong những vấn đề nổi trội là tội phạm và tệ nạn ma túy. Mặc dù LHQ đã thông qua các Công ước về kiểm soát ma tuý (Công ước năm 1961, Công ước năm 1971 và Công ước năm 1988) nhưng tình hình tệ nạn và tội phạm về ma tuý quốc tế vẫn diễn biến hết sức phức tạp.

Tình hình tệ nạn và tội phạm ma túy ở Việt Nam trong nhiều năm gần đây cũng gia tăng, không chỉ trong nội địa mà còn ở qui mô xuyên quốc gia. Tình hình đó đòi hỏi phải tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy, nhất là với các nước có chung đường biên giới, trong khu vực và LHQ. Từ xuất phát điểm như vậy, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề "*Quá trình hợp tác giữa Việt Nam và Liên Hợp quốc trên lĩnh vực phòng, chống ma túy"* để làm đề tài luận án Tiến sĩ Quan hệ Quốc tế.

## 2. Tình hình nghiên cứu

### *2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước*

*2.1.1. Một số công trình nghiên cứu về lý luận khoa học và các giải pháp phòng chống ma túy*

- Cuốn sách "*Tội phạm về ma túy, thực trạng, nguyên nhân và các giải pháp phòng ngừa"* của Vũ Quang Vinh (Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2005) phân tích về hoạt động phòng ngừa ma túy, tình hình ma túy trên thế giới, và đưa ra biện pháp phòng ngừa ma túy...

- Cuốn sách "*Mại dâm, ma túy, cờ bạc, tội phạm thời hiện đại*" của Nguyễn Xuân Yêm, Phan Đình Khánh, Nguyễn Thị Kim Liên (2003) cập nhật tình hình về phòng, chống ma túy; phân tích nguyên nhân và thực trạng công tác điều tra tội phạm ma túy ở Việt Nam.

*2.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu cơ bản về công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy*

- Cuốn sách "*Phát hiện và điều tra các tội phạm về ma túy"* của Trần Văn Luyện, Nguyễn Xuân Yêm (Nxb. CAND, 2001) phân tích về điều tra tội phạm ma túy, khó khăn và vướng mắc.

- Công trình nghiên cứu *"Hiểm họa ma túy, nhận biết và hành động*" của Lưu Minh Trị (Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000) đưa ra khái niệm về ma túy, phân tích vị trí, vai trò của Nhà nước, pháp luật trong phòng, chống ma túy.

- Cuốn sách "*Quan hệ phối hợp giữa Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy với Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trong phát hiện điều tra tội phạm về ma túy*" của Nguyễn Văn Long (Nxb. CAND, Hà Nội, 2008) lý luận về quan hệ phối hợp giữa giữa 2 lực lượng trên trong phát hiện, điều tra tội phạm ma túy.

- Cuốn sách "*Lý luận cơ bản về hoạt động nghiệp vụ trinh sát trong đấu tranh chuyên án chống tội phạm về ma túy*" của Bùi Minh Trung (Nxb. CAND, Hà Nội, 2008) đã đề cập khái quát về tình hình ma túy và đặc điểm hình sự của tội phạm này ở Việt Nam.

- Cuốn sách "*Những vấn đề kiểm soát tiền chất ma túy"* của Đặng Ngọc Hùng (Nxb. CAND, 2002) phân tích về lĩnh vực tiền chất, và đưa ra các biện pháp kiểm soát.

- Công trình "*Khảo sát tình hình lạm dụng ma túy trong đội ngũ công nhân, viên chức và lao động Việt Nam*" của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nhằm khảo sát về tình hình, nguyên nhân, của việc lạm dụng đó, từ đó kiến nghị giải pháp.

Ngoài ra, còn có các nghiên cứu và dự án như "*Luận cứ khoa học cho các giải pháp kiểm soát tiền chất và triệt nguồn ma túy ở Việt*

*Nam trong điều kiện mở cửa và hội nhập*", *"Dự án Hỗ trợ xây dựng các chiến lược và biện pháp hiệu quả trong phòng ngừa ATS ở khu vực Đông Á - VNM/J93"*, *"Dự án Tăng cường Hợp tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy qua biên giới các giai đoạn từ 1999 đến nay"*... do Văn phòng Thường trực phòng, chống tội phạm và ma túy phối hợp với UNODC triển khai thực hiện.

*2.1.3. Công trình nghiên cứu về hợp tác quốc tế phòng, chống ma túy*

- Luận án "*Hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam*" của Bùi Anh Dũng (Hà Nội, 2006) làm rõ khái niệm, nguyên tắc, nội dung, cơ sở pháp lý hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy.

- Bài viết "*Nâng cao chất lượng hợp tác quốc tế, đấu tranh chống tội phạm về ma túy trong tình hình mới*" của Vũ Hùng Vương đánh giá khó khăn trong việc điều tra, bắt giữ người nước ngoài phạm tội ma túy tại Việt Nam và đưa ra giải pháp.

- Cuốn sách "*Đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy có yếu tố nước ngoài"* của Trần Văn Luyện và Nguyễn Xuân Tất Hòa (Nxb. CAND, 2011) phân tích về hoạt động điều tra tội phạm ma túy có yếu tố nước ngoài từ năm 2004 đến năm 2009 và đưa ra giải pháp.

- Bài viết "*Công tác giám định tư pháp và truy nguyên nguồn gốc ma túy trong bối cảnh hội nhập quốc tế*" của PGS.TS. Hoàng Mạnh Hùng phân tích vai trò của việc giám định truy nguyên nguồn gốc để khám phá ra phòng thí nghiệm sản xuất ma túy.

***2.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài***

- "*A Century of International Drug Control - Một thế kỷ kiểm soát ma túy quốc tế*" do UNODC xuất bản năm 2009 trình bày kết quả của công tác phòng, chống ma túy trên thế giới từ năm 1909 đến năm 2009, giới thiệu về quá trình phát triển của hệ thống pháp luật quốc tế về phòng, chống ma túy.

- Công trình "*Hợp tác quốc tế trong đấu tranh chống tội phạm;*

*dẫn độ người phạm tội và tương trợ tư pháp*"của tác giả Mikinao Kitada, Phó Giám đốc Học viện Châu Á và Viễn Đông của LHQ đánh giá về chia sẻ thông tin tội phạm, khó khăn trong tương trợ tư pháp, chuyển giao người bị kết án phạt tù, dẫn độ tội phạm.

- Công trình *Lesgislative Implementation by Vietnam of Its Obligations under the United Nations Drug Control Conventions* (University of Wollongong, Australia, 2008) nghiên cứu về pháp luật Việt Nam trong việc thực hiện những quy định phòng, chống ma túy quốc tế, đặc biệt là DCCs, và đưa ra những khuyến nghị.

- Công trình *"Đấu tranh chống tội phạm về ma túy: một dạng đặc biệt của tội phạm có tổ chức*" do Cục Cảnh sát hình sự của CHLB Đức xuất bản, đã giới thiệu những đặc trưng, tính chất của tội phạm có tổ chức nói chung, tội phạm ma túy nói riêng.

- Trong tài liệu "*Cẩm nang điều tra tội phạm về ma túy*" của Interpol nêu lên các phương pháp và chiến thuật điều ta cơ bản và nâng cao, trong đó chiến thuật "vận chuyển ma túy có kiểm soát".

- Các chương trình của LHQ về phòng, chống ma túy như "*Chiến lược của Cơ quan Phòng chống ma tuý và tội phạm của Liên Hợp quốc giai đoạn 2008 - 2011*"; "*Chiến lược của Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm Liên Hợp quốc giai đoạn 2012-2015*"... được soạn thảo với mục tiêu cụ thể hoá những kế hoạch hành động để triển khai các nhiệm vụ của UNODC.

- Các *báo cáo thường niên của LHQ (INCB, CND)* đã đánh giá tình hình sử dụng ma túy trên thế giới.

***2.3. Một số vấn đề sẽ được nghiên cứu tiếp trong luận án***

Có thể nói rằng, các công trình nghiên cứu trên đây đã đề cập đến lĩnh vực phòng, chống ma túy nói chung và công tác hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống ma túy nói riêng trên một số lĩnh vực như: i) Cơ sở pháp lý của hợp tác quốc tế phòng, chống ma túy trên thế giới; ii) Quá trình hợp tác quốc tế phòng chống ma túy trên thế

giới nói chung; iii) Tình hình và kết quả công tác phòng, chống ma túy tại Việt Nam; iv) Một số giải pháp trên lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy nói chung và đánh giá tính nghiêm trọng của tội phạm ma túy đối với sức khỏe của con người và tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu về quá trình hợp tác giữa Việt Nam và LHQ trên lĩnh vực phòng, chống ma túy từ trước đến nay. Trên cơ sở đó, chúng tôi sẽ kế thừa và phát triển những kết quả nghiên cứu trong quá trình thực hiện luận án của mình. Cụ thể, luận án sẽ làm rõ: Cơ sở của việc hợp tác trong lĩnh vực phòng, chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ; Phân tích thực trạng quá trình hợp tác giữa Việt Nam và LHQ trong lĩnh vực phòng, chống ma túy; Từ đó, đưa ra những đánh giá, phân tích cụ thể những thành công, khó khăn, vướng mắc trong quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và LHQ trong thời gian qua để có thể đưa ra dự báo, đề xuất những giải pháp củng cố và thúc đẩy hơn nữa công tác hợp tác phòng, chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ một cách có hiệu quả trong thời gian tới.

**3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

*3.1. Mục tiêu nghiên cứu:* Làm rõ thực trạng, đặc điểm quá trình hợp tác, những kết quả và những khó khăn, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Việt Nam và LHQ trên lĩnh vực phòng, chống ma túy.

*3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:* Làm rõ khái niệm và lý luận hợp tác trong phòng, chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ; phân tích tiến trình hợp tác trong phòng, chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ; dự báo tình hình ma túy ở Việt Nam và đề xuất một số giải pháp.

**4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

*4.1. Đối tượng nghiên cứu*: Hợp tác trong lĩnh vực phòng, chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ từ năm 1992 đến nay.

*4.2. Phạm vi nghiên cứu*:

+ Về nội dung: nghiên cứu về lý luận và thực tiễn quá trình hợp tác trong phòng, chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ.

+ Về địa bàn: nghiên cứu, khảo sát tại các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố triển khai hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy; các cơ quan đại diện LHQ tại Việt Nam và các nước có chức năng điều phối và hợp tác với Việt Nam trong phòng, chống ma túy.

+ Về thời gian: từ năm 1992 cho đến hiện nay.

**5. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế: Luận án là một công trình nghiên cứu về hợp tác quốc tế trong một lĩnh vực cụ thể. Chính vì vậy, cách tiếp cận chủ đạo trong luận án chủ yếu dựa trên nền tảng của các lý thuyết về quan hệ quốc tế, nhất là các vấn đề liên quan đến an ninh phi truyền thống.

- Phương pháp lịch sử: làm rõ quá trình hình thành và phát triển trong hợp tác giữa Việt Nam và LHQ về phòng, chống ma túy;

- Phương pháp hệ thống: nghiên cứu chiến lược/chính sách của Việt Nam và LHQ trong phòng, chống ma túy gồm (1) Hệ thống các Công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia; (2) Chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam đối với việc tham gia các hệ thống khu vực, toàn cầu; thực trạng quan hệ và nhiệm vụ trong thời gian tới.

- Phương pháp phân tích: đánh giá toàn diện tính thống nhất, tính khả thi, tác động tích cực và tiêu cực của các chiến lược/chính sách của LHQ, đặc biệt là thực hiện các Công ước của LHQ.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng các phương pháp tổng hợp, so sánh để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đề ra.

**6. Nguồn tài liệu**

(1) Hệ thống các Công ước quốc tế và văn bản của LHQ; (2) Nguồn tài liệu của Đảng, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam về chính sách đối ngoại; Các văn bản pháp luật về phòng, chống ma túy; (3) Nguồn tài liệu của các cơ quan chức năng Việt Nam có liên quan; (4) Các nguồn tài liệu sách báo tham khảo, các công trình nghiên cứu khoa học được trình bày tại các Hội thảo quốc gia và quốc tế.

**7. Đóng góp của luận án**

- Luận án là công trình nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về quá trình hợp tác giữa Việt Nam và LHQ trong lĩnh vực phòng, chống ma túy từ năm 1992 đến nay;

- Là nguồn tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy và hoạch định chính sách hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy nói riêng và trong việc hoạch định chính sách đối ngoại nói chung.

**8. Bố cục của luận án**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và mục lục, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án được kết cấu 03 chương, gồm:

**Chương 1: CƠ SỞ CỦA SỰ HỢP TÁC GIỮA VIỆT NAM VÀ LHQ TRÊN LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG MA TÚY**

Chương này sẽ phân tích cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của hợp tác quốc tế phòng, chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ, từ đó rút ra một số kết quả nghiên cứu như: Luận giải cơ sở lý luận để hình thành khái niệm, xác định đặc điểm, nguyên tắc, nội dung của hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy giữa Việt Nam và LHQ.

**Chương 2: TRIỂN KHAI HỢP TÁC PHÒNG, CHỐNG MA TÚY GIỮA VIỆT NAM VÀ LHQ**

Chương 2 tập trung phân tích về quá trình hợp tác đấu tranh phòng, chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ từ năm 1992 đến nay

qua 2 giai đoạn cụ thể và trong mỗi giai đoạn luận án chú trọng phân tích các nội dung hợp tác chủ yếu như: Hợp tác trong phê chuẩn và gia nhập công ước của LHQ về phòng chống ma túy; Hợp tác trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và tư pháp; Hợp tác tiểu vùng về phòng, chống ma túy trong khuôn khổ LHQ và LHQ hỗ trợ Việt Nam trong việc đào tạo nguồn nhân lực và các dự án về kỹ thuật.

**Chương 3: ĐÁNH GIÁ VỀ QUÁ TRÌNH HỢP TÁC GIỮA VIỆT NAM VỚI LHQ VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP**

Nội dung chương này sẽ đưa ra một số nhận xét về những ưu điểm, khó khăn còn tồn tại, nguyên nhân của những tồn tại đó trong quá trình hợp tác giữa Việt Nam với LHQ về phòng, chống tội phạm ma túy. Từ đó, đưa ra một số đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác giữa Việt Nam và LHQ trong lĩnh vực này. Các giải pháp đưa ra được luận giải trên cơ sở thực tiễn quá trình hợp tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy giữa Việt Nam và LHQ trong những năm qua.

# Chương I
# CƠ SỞ CỦA SỰ HỢP TÁC GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN HỢP QUỐC TRÊN LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

## 1.1. Cơ sở lý luận

### *1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về ma túy và phòng, chống ma túy*

Thuật ngữ "*Ma túy*" [Drug] được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Công ước năm 1961 quy định "*ma tuý*" nghĩa là bất kỳ chất liệu nào được thống kê trong bảng I và bảng II kèm theo Công ước này[1]. Công ước năm 1971 của LHQ đã khái niệm: "*Chất hướng thần" nghĩa là bất kỳ chất nào, được quy định trong các bảng I, II, III, hoặc IV*"[2] được đính kèm Công ước này. Quá trình điều chế ma túy tổng hợp hoặc tinh chế ma túy cần có thêm một số loại hóa chất, được gọi chung là *tiền chất* [precursor].

Ngày nay, còn các chất khác được tổng hợp trong phòng thí nghiệm cũng có tính chất gây nghiện. Vì vậy khái niệm "*ma tuý*" được mở rộng về nội dung. Điểm chung của các nước là đều đề cập đến ma tuý bao gồm các chất gây nghiện [addictive substances] và các chất hướng thần [psychotropic substances].

*Luật Phòng, chống ma túy năm 2000*[3] lần đầu tiên các khái niệm như "chất ma túy" [Drug], "tiền chất" [precursor], "chất gây nghiện" [addictive substance], "chất hướng thần" [psychotropic substance], "thuốc gây

---

[1]*Công ước thống nhất về chất ma túy năm 1961của LHQ.* Nguồn: Ba công ước của Liên hợp quốc về kiểm soát ma tuý, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1994, tr. 29.

[2]Điều 1, *Công ước thống nhất về các chất hướng thần năm 1971 của LHQ.* Bộ Tư pháp (2010). Pháp luật hiện hành của Việt Nam và các công ước quốc tế về phòng chống ma túy. Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 497.

[3]*Luật Phòng, chống ma túy Số 23/2000/QH10 ngày 09/12/2000*

nghiện" [addictive drug] và "thuốc hướng thần" [psychotropic drug].

### *1.1.2. Hợp tác quốc tế và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy*

Theo *Từ điển tiếng Việt*, "hợp tác" là "cùng chung sức giúp đỡ lẫn nhau trong một công việc nào đó nhằm một mục đích chung"; còn "quốc tế" là chỉ các nước trên thế giới trong quan hệ với nhau[4]. Như vậy, hợp tác giữa Việt Nam và LHQ trong phòng, chống ma túy là hoạt động tự nguyện của cả hai phía nhằm hỗ trợ lẫn nhau dựa trên cơ sở của các văn bản pháp lý mà hai bên đã thỏa thuận.

Trên góc độ an ninh phi truyền thống thì việc tìm ra các giải pháp hữu hiệu trong việc hợp tác quốc tế phòng, chống ma túy có ý nghĩa quan trọng, góp phần củng cố an ninh quốc gia, tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện và củng cố tình hữu nghị giữa Việt Nam với LHQ và các nước, tạo điều kiện cho việc sửa đổi luật pháp quốc gia cho phù hợp với thông lệ quốc tế, góp phần đẩy nhanh quá trình hội nhập toàn diện của Việt Nam với thế giới.

### *1.1.3. Cơ sở pháp lý của hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy*

*- Hợp tác dựa trên cơ sở điều ước*

*(1) Điều ước song phương.*

*(2) Điều ước đa phương.*

*- Hợp tác dựa trên cơ sở phi hiệp ước*

*(1) Dựa trên cơ sở nội luật của các quốc gia:*

*(2) Hợp tác dựa trên cơ sở có đi có lại:*

---

[4]Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học, Trung tâm từ điển ngôn ngữ (1992). *Từ điển tiếng Việt*, Hà Nội, tr.466.

### *1.1.4. Nguyên tắc cơ bản của hợp tác giữa Việt Nam và LHQ trong lĩnh vực phòng, chống ma túy*

- *Một là,* tuân thủ chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong hợp tác quốc tế phòng, chống ma túy.

- *Hai là,* tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của công pháp quốc tế, các điều ước quốc tế đa phương, song phương và những quy định của LHQ trong lĩnh vực phòng, chống ma túy.

- *Ba là,* hợp tác giữa Việt Nam và LHQ trong lĩnh vực phòng, chống ma túy phải đảm bảo tính mục đích. Đó là tạo điều kiện thuận lợi để mỗi bên thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ trong lĩnh vực phòng, chống ma túy mà các bên cùng quan tâm.

- *Bốn là,* hợp tác giữa Việt Nam và LHQ trong lĩnh vực phòng, chống ma túy là quan hệ đa dạng, mang tính quốc tế do đó phải theo chương trình, kế hoạch; sự hợp tác đó đòi hỏi phải có chương trình, kế hoạch cụ thể, chi tiết và được các bên tham gia thỏa thuận trong các văn bản cụ thể.

## 1.2. Cơ sở thực tiễn

### *1.2.1. Thực trạng vấn đề ma túy trên thế giới và ở Việt Nam*

*1.2.1.1. Tình hình ma túy trên thế giới*

* *Trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy:* Số người nghiện ma tuý được phân bố ở khắp nơi trên thế giới đã tạo ra thị trường tiêu thụ ma túy rất rộng lớn. Trong khi đó, hoạt động trồng cây có chứa chất ma tuý và sản xuất trái phép ma tuý chỉ tập trung ở một số khu vực nhất định, đã thúc đẩy sự hình thành các đường dây, tổ chức tội phạm về ma tuý xuyên quốc gia. Bên cạnh đó, lợi nhuận thu được từ ma túy là rất cao nên đã thúc đẩy các hoạt động bất hợp pháp này. Vì thế sự cố gắng, nỗ lực của một hoặc vài quốc gia trên thế giới sẽ không thể đảm bảo đạt được hiệu quả, mà cần thiết phải có sự tham gia của tất cả các nước có liên quan, hỗ trợ nhau, đặt dưới

sự điều phối chung của LHQ thì mới có thể đấu tranh có hiệu quả đối với loại tội phạm này.

** Trong lĩnh vực quản lý các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy:* Theo đó, 3 Công ước của LHQ quy định quy trình quản lý, mua bán, vận chuyển các loại tiền chất, chống thất thoát các loại tiền chất vào việc sản xuất trái phép ma túy tổng hợp. Tuy nhiên, thực tế tình hình tội phạm quốc tế buôn bán, vận chuyển các loại tiền chất và sử dụng các loại tiền chất để sản xuất trái phép ma túy còn diễn biến phức tạp. Thực trạng này đặt ra yêu cầu các nước phải phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế, đặt dưới sự điều phối của LHQ.

** Trong lĩnh vực xoá bỏ và thay thế việc trồng cây có chứa chất ma túy:* Cây thuốc phiện được trồng tập trung ở 03 khu vực lớn là: khu vực Trăng lưỡi liềm vàng; khu vực Tam giác vàng và khu vực Trung Mỹ; Cây côca được trồng chủ yếu ở khu vực Nam Mỹ; cây cần sa: được trồng ở nhiều nước trên thế giới, trong đó tập trung là Khu vực Nam Mỹ, Bắc Mỹ và châu Phi[5]. Hầu hết các nước còn tình trạng trồng cây có chứa chất ma túy là những nước nông nghiệp, có nền kinh tế nghèo nàn và lạc hậu. Việc thay thế cây có chứa chất ma túy bằng các loại cây trồng khác chưa thực sự có hiệu quả. Vì vậy, cần phải có sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các nước, các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Liên hợp quốc thì mới có thể xoá bỏ được tình trạng này.

*1.2.1.2. Vấn đề ma túy ở Việt Nam*

Ở Việt Nam, trước đây, các khu trồng cây thuốc phiện chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc và miền Trung[6]. Số người nghiện ma túy có hồ sơ kiểm soát là 210.751 vào cuối năm 2016. Đến nay, toàn bộ 63/63 tỉnh,

---

[5]Văn phòng Thường trực phòng chống tội phạm và ma túy (2011). *Hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy và nghiên cứu cơ bản về UNODC*, Hà Nội.

[6] Nguyễn Thị Phương Hoa, *Lesgislative Implementation by Vietnam of Its Obligations under the United Nations Drug Control Conventions*, University of Wollongong, Australia, 2008, tr. 51.

thành phố có người nghiện ma tuý. Châu Á *(Trung Đông và Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam)* hiện đang đứng thứ hai thế giới xét về mức độ nghiêm trọng của tình hình NPS. Việt Nam được sử dụng như một điểm trung chuyển heroin để đưa sang các nước bằng đường biển, đường hàng không, đường bộ, đường bưu điện..

### *1.2.2. Vai trò của LHQ trong lĩnh vực hợp tác đấu tranh phòng, chống ma túy*

Liên Hợp quốc (United Nations) được thành lập vào ngày 24-10-1945. Trong quá trình phát triển, LHQ đã thúc đẩy hiệu quả hợp tác về phòng, chống ma túy thông qua 3 Công ước Quốc tế gồm Công ước 1961, Công ước 1971 và Công ước 1988.

Thực hiện chức năng điều phối công tác phòng, chống ma túy của LHQ là Cơ quan phòng chống Ma túy và Tội phạm của LHQ (tên tiếng Anh là *The United Nations Office on Drugs and Crime*, viết tắt là UNODC), được thành lập năm 1997.

### *1.2.3. Chính sách của Việt Nam về hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy*

#### *1.2.3.1. Quan điểm, chủ trương, chính sách của Việt Nam về hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy*

Từ những năm 90 của thế kỷ XX, tình hình ma túy ở Việt Nam có diễn biến phức tạp với gia tăng các hoạt động mua bán và vận chuyển ma túy từ nước ngoài vào. Thực trạng đó đòi hỏi Việt Nam cần tăng cường hợp tác quốc tế với các quốc gia và các tổ chức quốc tế. Từ đó, tư duy đối ngoại trong lĩnh vực phòng, chống ma túy bắt đầu được hình thành và lần đầu tiên được thể hiện trong Nghị quyết số 06/CP ngày 29/01/1993 của Chính phủ trong đó đã xác định: "*Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kiểm soát ma tuý trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc phù hợp với pháp luật của nước ta và của công*

*ước quốc tế về ma tuý của liên hợp quốc*". Tiếp đó, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 06/CT-TW ngày 30/11/1996 trong đó xác định "Tăng cường hợp tác quốc tế về phòng chống và kiểm soát ma tuý"[7].

Sau khi tham gia các Công ước của LHQ, ngày 09/12/2000, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam đã thông qua *Luật phòng, chống ma tuý*, trong đó dành hẳn Chương VI quy định Hợp tác quốc tế về phòng, chống ma tuý[8]. Vào năm 2003 *Bộ luật tố tụng hình sự*[9] của Việt Nam được ban hành với phần thứ 8 quy định về hợp tác quốc tế trong hoạt động tố tụng hình sự. Chỉ thị số 21/CT-TW ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị tiếp tục xác định mục tiêu: "Kiểm soát, ngăn chặn có hiệu quả nguồn ma túy thẩm lậu vào nước ta; phát hiện, bắt giữ tội phạm về ma tuý ở khu vực biên giới bằng mọi biện pháp".

*1.2.3.2. Các chương trình hành động cụ thể*

Để triển khai thực hiện một cách có hiệu quả, Việt Nam đã xây dựng các Chương trình hành động cụ thể theo từng giai đoạn: 1998-2000, 2001-2005, Kế hoạch tổng thể đến năm 2010 và Chiến lược Quốc gia đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Mỗi một giai đoạn đều nêu ra những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể về hợp tác quốc tế phòng, chống ma túy phù hợp với từng bước phát triển.

## *Tiểu kết chương 1*

Hiểm họa ma túy đã trở thành một thách thức to lớn, và thực sự đã trở thành một vấn đề nổi trội của nội dung an ninh phi truyền thống trong quan hệ quốc tế đương đại. Việc ban hành 3 Công ước về kiểm

---

[7]*Chỉ thị số 06/CT-TW ngày 30/11/1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.*

[8]*Luật số 23/2000/QH10 của Quốc hội: Luật Phòng, Chống ma túy của CHXHCN VIỆT NAM. Điều 65.*

[9]*Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 của nước CHXHCN Việt Nam.*

soát ma túy chính là vừa tạo nên các quy tắc hợp tác quốc tế, vừa kết nối sự hợp tác giữa các quốc gia, các tổ chức quốc tế. Đối với Việt Nam, hợp tác với LHQ trong phòng, chống ma túy là một bộ phận của chính sách đối ngoại của nhà nước Việt Nam, sẽ góp phần thiết thực phục vụ chính sách đối ngoại và sự nghiệp đổi mới của Đảng, nhà nước Việt Nam.

# Chương 2
# TRIỂN KHAI HỢP TÁC PHÒNG, CHỐNG MA TÚY GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN HỢP QUỐC

## 2.1. Các giai đoạn hợp tác

### *2.1.1. Giai đoạn từ năm 1992 đến năm 1997*

Năm 1992, Văn phòng đại diện Cơ quan phòng chống ma túy của LHQ chính thức đặt trụ sở tại Hà Nội.

Năm 1993, Chính phủ Việt Nam ban hành *Nghị định 06/CP*[10], trong đó một nội dung quan trọng là việc "Xây dựng các văn bản pháp quy về phòng chống ma tuý" và giao cho Bộ Tư pháp nghiên cứu, chuẩn bị về việc Việt Nam phê chuẩn ba Công ước của LHQ.

Trong 4 năm (1993-1997), hệ thống văn bản pháp luật về ma túy của Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần nhằm chuyển hóa các quy định của pháp luật Việt Nam về cơ bản phù hợp với ba Công ước của LHQ. Ngày 01 tháng 9 năm 1997, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam ban hành quyết định số 798/QĐ - CTN về việc Việt Nam

[10] Nghị định 06/CP về Tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, ngày 29/1/1993.

tham gia vào ba Công ước của LHQ (DCCs)[11].

***2.1.2. Giai đoạn từ năm 1998 đến nay***

Trong thời gian này, UNODC đã vạch ra ba mục tiêu chiến lược trong việc hợp tác với Việt Nam là: i) Hỗ trợ các cơ quan hành pháp về ma túy để nâng cao năng lực ngăn chặn và điều tra; ii) Tăng cường khuôn khổ pháp lý và hệ thống tư pháp trong kiểm soát ma túy và trong một số lĩnh vực tội phạm và thiết lập cơ sở tri thức tổng hợp về các vấn đề ma túy và tội phạm; iii) Thông qua giáo dục phòng ngừa, cải thiện hệ thống dịch vụ cai nghiện và tăng cường nhận thức và hiểu biết về lây truyền HIV/AIDS trong nhóm người có nguy cơ, đặc biệt là nhóm sử dụng bơm kim tiêm nhằm giảm bớt nhu cầu về ma túy [83, tr. 24].

Về phía mình, Việt Nam đã rất cố gắng để tuân thủ các cam kết theo tinh thần của ba Công ước LHQ (DCCs) bao gồm 7 vấn đề chính: i) xác định rõ các chất kích thích được kiểm soát, ii) kiểm soát các hoạt động ma túy hợp pháp, iii) xử lý hình sự các tội phạm ma túy, iv) lập ra cơ quan xét xử tội phạm ma túy và hợp tác trong việc dẫn độ, v) hợp tác thực thi pháp luật, vi) duy trì cơ quan quản lý chuyên trách các hoạt động kiểm soát ma túy, và vii) cung cấp thông tin và báo cáo cho các cơ quan phòng, chống ma túy quốc tế.

Như vậy có thể thấy, nếu như giai đoạn 1992-1997 của tiến trình hợp tác với LHQ trong phòng, chống ma túy được tập trung mọi điều kiện và nguồn lực cho việc chuẩn bị cơ sở pháp lý và thực tiễn để chính thức ký kết việc gia nhập 3 Công ước, thì giai đoạn 1998 đến nay, mọi nỗ lực của Việt Nam được tập trung để hướng tới hiện thực

---

[11] Quyết định số 798/QĐ - CTN, ngày 01/9/1997 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam về việc Việt Nam tham gia với danh nghĩa nhà nước vào ba Công ước của Liên Hợp quốc về kiểm soát ma túy.

hóa việc hợp tác thông qua quá trình xây dựng các Kế hoạch tổng thể, các Chương trình hành động, các Chiến lược quốc gia... nhằm khẳng định công tác phòng, chống ma túy là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, vừa mang tính cấp thiết vừa là nhiệm vụ lâu dài của đất nước và qua đó nhấn mạnh đến sự tăng cường chủ động để đưa việc hợp tác với LHQ đạt được những kết quả tối ưu nhất.

**2.2. Các lĩnh vực hợp tác**

***2.2.1. Nội luật hóa các quy định của ba Công ước***

*2.2.1.1. Xây dựng Luật phòng, chống ma túy và các quy định có liên quan*

*2.2.1.2. Sửa đổi Bộ luật hình sự và xây dựng các quy định pháp luật của Việt Nam phù hợp nghĩa vụ pháp lý của các Công ước*

*2.2.1.3. Thực hiện các quy định về công tác cai nghiện ma túy*

*2.2.1.4. Thành lập các cơ quan chuyên trách về phòng, chống ma túy*

***2.2.2. Hợp tác về dẫn độ tội phạm, tương trợ tư pháp hình sự***

***2.2.3. Hợp tác tiểu vùng về phòng, chống ma túy trong khuôn khổ LHQ***

***2.2.4. Hỗ trợ trực tiếp của LHQ cho Việt Nam***

*2.2.4.1. LHQ hỗ trợ Việt Nam các dự án kỹ thuật ưu tiên về phòng, chống ma túy*

*2.2.4.2. Đào tạo nguồn nhân lực*

**Tiểu kết chương 2:**

Quá trình hợp tác của Việt Nam với LHQ trong phòng, chống ma túy trong khung nghiên cứu được phân chia thành 2 giai đoạn. Luận án đã luận giải và làm rõ quá trình Việt Nam tiến hành chuẩn bị các cơ sở pháp lý cho việc thông qua ba Công ước về kiểm soát ma túy của LHQ (1992 - 1997) và quá trình Việt Nam đã nỗ lực và khẩn

trương xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và tư pháp của mình, đã có những bước tiến khá thành công trong hợp tác đa phương, hợp tác tiểu vùng về phòng chống ma túy trong khuôn khổ LHQ; Việt Nam cũng đã nhận được sự hỗ trợ từ LHQ trong việc triển khai các dự án kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng pháp luật và hoạch định chính sách về phòng chống ma túy trong giai đoạn 1997 đến 2015.

# Chương 3
# ĐÁNH GIÁ VỀ QUÁ TRÌNH HỢP TÁC GIỮA VIỆT NAM VỚI LIÊN HỢP QUỐC VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP

## *3.1. Đánh giá về quá trình hợp tác giữa Việt Nam với LHQ*

*3.1.1. Hợp tác giữa Việt Nam và LHQ trên lĩnh vực phòng, chống ma túy phù hợp với nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế hiện đại*

*3.1.2. Hợp tác giữa Việt Nam với LHQ là một bộ phận của đường lối đối ngoại đổi mới của Việt Nam*

*3.1.3. Quá trình hợp tác được thực hiện theo lộ trình và kế hoạch*

*3.1.4. Góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam*

*3.1.5. Góp phần nâng cao năng lực phòng, chống ma túy*

*3.1.6. Một số hạn chế trong quá trình hợp tác giữa Việt Nam và LHQ*

*3.1.6.1. Hạn chế trong việc kiểm soát chất ma túy, chất hướng thần và tiền chất tại Việt Nam.*

*3.1.6.2. Hạn chế trong việc thực hiện các quy định về trao đổi thông tin trong hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.*

*3.1.6.3. Hạn chế trong hoạt động tương trợ tư pháp.*

*3.1.6.4. Hạn chế trên một số khía cạnh hợp tác cụ thể khác* như công tác tuyên truyền đối ngoại còn khiêm tốn, hợp tác mang tính chiến

lược chưa hiệu quả; cơ chế hợp tác đã được thiết lập nhưng do khó khăn về kinh phí, hạn chế về năng lực, ngoại ngữ, lực lượng mỏng, thiếu trang thiết bị, phương tiện nên hiệu quả hợp tác chưa cao; cơ chế hợp tác phòng, chống ma tuý trên biển, tại các cửa khẩu hàng không trọng điểm trong khu vực chưa hình thành rõ nét...

## 3.2. Một số giải pháp

### *3.2.1. Triển vọng hợp tác giữa Việt Nam và LHQ*

*3.2.1.1. Dự báo về tình hình ma túy trên thế giới và Việt Nam*

Trong những năm tiếp theo, hội nhập và toàn cầu hoá tiếp tục là xu thế chủ đạo và trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống thì việc phòng, chống ma túy vẫn sẽ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của nhiều quốc gia. Diện tích các loại cây có chất ma túy sẽ giảm nhờ nỗ lực của các quốc gia; việc sản xuất ma tuý có nguồn gốc tự nhiên giảm dần; việc sản xuất, điều chế, buôn bán và sử dụng các loại ma túy tổng hợp ATS tiếp tục diễn biến nghiêm trọng hơn; việc buôn bán tiền chất bất hợp pháp mà nguồn cung chính là từ các nước có nền công nghiệp hoá chất phát triển như Trung Quốc, Ấn Độ... tiếp tục gia tăng. Số người nghiện tiếp tục gia tăng, thành phần đa dạng hơn.

*3.2.1.2. Dự báo nhu cầu hợp tác trong đấu tranh phòng, chống ma túy của Việt Nam với LHQ*

Xu thế khách quan toàn cầu hóa đời sống kinh tế ngày càng lôi cuốn nhiều quốc gia. Vì vậy, hợp tác song phương, đa phương giữa các quốc gia hoặc với các tổ chức quốc tế sẽ ngày càng sâu rộng cả trong kinh tế, văn hóa, bảo vệ môi trường và phòng chống tội phạm, trong đó có tội phạm ma túy. Theo đó, xu thế hợp tác quốc tế trong phòng chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ nói chung, cũng như với các nước khác nói riêng sẽ tiếp tục được tăng cường.

### *3.2.2. Một số giải pháp*

*3.2.2.1. Nhóm giải pháp chung*

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước trong hợp tác quốc tế về phòng, chống ma tuý.

- Tăng cường các giải pháp về kinh tế - xã hội

*3.2.2.2. Nhóm giải pháp cụ thể*

- Xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý có liên quan đến hợp tác đấu tranh phòng, chống ma túy theo khuôn khổ các Công ước của LHQ

- Thực hiện đầy đủ các cam kết và nghĩa vụ quốc tế trong các hiệp định, bản ghi nhớ về phòng, chống và kiểm soát ma túy với các nước.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các nước có chung biên giới đường bộ như Trung Quốc, Lào, Campuchia

- Tiếp tục đóng vai trò là một thành viên tích cực, có trách nhiệm trong khuôn khổ hợp tác phòng, chống ma túy trong khu vực và trên thế giới.

- Việt Nam cần tăng cường hợp tác với UNODC thực hiện tốt nghĩa vụ là nước thành viên.

- Xây dựng chiến lược đào tạo đội ngũ cán bộ giỏi về ngoại ngữ, kiến thức về pháp luật quốc tế và kinh nghiệm thực tiễn trong hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm ma túy nói riêng.

## Tiểu kết chương 3

Hợp tác với LHQ đã góp phần nâng cao hiệu quả phòng, chống ma tuý ở Việt Nam từ năm 1992 đến nay. Tuy nhiên, do tác động của tình hình ma tuý khu vực và thế giới, tình hình ma tuý ở Việt Nam sẽ còn diễn biến phức tạp. Tội phạm về ma túy liên tục thay đổi phương thức, thủ đoạn, địa bàn hoạt động và mang tính quốc tế cao hơn; gắn kết chặt chẽ với các loại tội phạm tham nhũng, rửa tiền và buôn bán

vũ khí; lợi dụng những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý, kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy để buôn bán, điều chế ma tuý tổng hợp ở trong nước. Số người sử dụng các loại ma tuý tổng hợp, tân dược gây nghiện và các loại ma tuý mới có xu hướng gia tăng. Nếu không có những giải pháp đồng bộ, lâu dài, nhất là giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy với các nước và các tổ chức quốc tế, đặc biệt là LHQ, tệ nạn ma tuý có thể vượt ra khỏi tầm kiểm soát, để lại hậu quả nghiêm trọng, khó lường cho xã hội.

Vì vậy, Việt Nam cần phải tiếp tục tăng cường và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phòng, chống và kiểm soát ma túy với các nước, các tổ chức quốc tế, trong đó, trong đó có quan hệ hợp tác với LHQ.

# KẾT LUẬN

Hiện nay, tệ nạn ma túy đã và đang trở thành hiểm họa lớn của toàn nhân loại. Chính vì vậy, đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu không chỉ của mỗi quốc gia, dân tộc mà còn là nhiệm vụ của cả cộng đồng quốc tế.

Việt Nam hiện nay được coi như một nước trung chuyển quan trọng đối với buôn bán ma túy trái phép bằng đường biển, đường hàng không, đường bộ, đường bưu điện. Tình hình đó đòi hỏi phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa các nước, các tổ chức trong khuôn khổ LHQ, hay nói một cách khác là Việt Nam cần phải tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống ma túy, nhất là hợp tác với các nước có chung đường biên giới, các nước trong khu vực và LHQ. Với tác hại nghiêm trọng do ma tuý gây ra, sự liên kết, hợp tác giữa Việt Nam với LHQ, các quốc gia, các tổ chức quốc tế trong phòng, chống tệ nạn nguy hiểm này là hết sức cần thiết và là nhiệm vụ cấp bách, phù hợp với xu thế của toàn cầu.

Với nhận thức coi vấn đề phòng, chống ma túy là một trong những nội hàm của vấn đề an ninh phi truyền thống, có thể đe dọa đến sự phát triển bền vững của quốc gia, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và cộng đồng, mà để giải quyết có hiệu quả các vấn đề an ninh phi truyền thống thì như đã trình bày rõ trong luận án là rất cần thiết phải có sự hợp tác quốc tế chặt chẽ giữa các quốc gia, tổ chức hoặc giữa một quốc gia với LHQ; quá trình hợp tác đó được xác định từ chính nhu cầu, mục đích hợp tác của các bên và được quyết định bởi chính sách đối ngoại của Nhà nước hoặc LHQ.

Việc nghiên cứu quá trình hợp tác giữa Việt Nam và LHQ trong lĩnh vực phòng, chống ma túy đã xác định tính khách quan, hiệu quả

của vấn đề này. Trên cơ sở nghiên cứu xác định rõ khái niệm, nguyên tắc, nội dung hợp tác quốc tế được LHQ thừa nhận và đặc biệt là những Công ước của LHQ về phòng, chống ma túy, Việt Nam đã phê chuẩn các Công ước và tham gia tích cực, có trách nhiệm với LHQ và các tổ chức, các quốc gia khác trong vấn đề đấu tranh phòng, chống ma túy suốt nhiều năm qua. Tiến trình gia nhập và tham gia các Công ước của LHQ, Việt Nam luôn tuân thủ nguyên tắc không đi chệch định hướng của Đảng và Nhà nước trong hợp tác quốc tế, luôn bảo đảm giữ vững chủ quyền và lợi ích quốc gia dân tộc, bảo đảm sự ổn định chính trị và xã hội của đất nước. Đồng thời, trước những biến động nhanh chóng và đa chiều của tình hình khách quan cũng như nội tại, Việt Nam đã nhận thức rõ những yêu cầu của môi trường đấu tranh phòng, chống ma túy hiện nay để có thể hợp tác một cách có hiệu quả nhất, để có thể nắm bắt một cách chính xác nội dung các điều luật quốc tế đang hiện hành, từ đó đưa ra được các phương hướng điều chỉnh, sửa đổi, hoặc thậm chí là bổ sung những nhân tố mới cho phù hợp với điều kiện VN... trên nền tảng tuân thủ những chủ trương của Đảng và Nhà nước. Trên góc độ này, có thể nói đây cũng là một trong những công việc cụ thể góp phần trực tiếp vào việc triển khai trên thực tế chủ trương của Đảng và Nhà nước về tăng cường đẩy mạnh hợp tác quốc tế toàn diện với tinh thần chủ động, tích cực và có trách nhiệm.

Như vậy, quá trình hợp tác về phòng, chống ma túy giữa Việt Nam và LHQ trong khung nghiên cứu của luận án đã cho thấy, quá trình này được chuẩn bị khá kỹ càng, theo đúng quy trình và tiến độ, từ chỗ chuẩn bị để phê chuẩn và tham gia các công ước của LHQ về ma túy (1992-1997) tiến tới trực tiếp bắt tay xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Việt Nam trong phòng, chống ma túy. Về mặt

triển khai thực tế, Việt Nam đồng thời, tiến hành hợp tác tiểu vùng về phòng, chống ma túy trong khuôn khổ LHQ và tiếp nhận, triển khai các loại hình hỗ trợ của LHQ cho Việt Nam trong vấn đề này.

Đánh giá một cách tổng quan thì có thể thấy rằng, công tác hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, với LHQ trong đấu tranh phòng, chống ma tuý từ năm 1992 đến nay đã góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và đối ngoại của đất nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được như đã nói ở trên, vẫn còn một số hạn chế trong quá trình thực hiện, hợp tác với LHQ như vấn đề về hoàn thiện các cơ chế về thực thi pháp luật, trao đổi thông tin giữa hai bên, năng lực hợp tác của Việt Nam... Đấy là những thách thức không nhỏ đang đặt ra trước việc tiếp tục tăng cường đẩy mạnh công tác phòng chống tệ nạn ma túy trong khuôn khổ hợp tác với LHQ. Tuy nhiên, với truyền thống vẻ vang của dân tộc Việt Nam, cùng với đường lối, chính sách đối ngoại đúng đắn dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phòng, chống tội phạm và ma túy trong giai đoạn mới, góp phần tăng cường, củng cố hơn nữa vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, bảo đảm môi trường an ninh quốc gia bền vững, phục vụ thiết thực và có hiệu quả đường lối đối ngoại theo hướng hội nhập quốc tế toàn diện, góp phần vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

1. Trần Viết Trung (2012), "Tình hình ATS ở Việt Nam và những vấn đề cần quan tâm", *Tạp chí Phòng chống ma túy,* số 4.
2. Trần Viết Trung (2012), "Kế hoạch Hành động Tiểu vùng VIII về kiểm soát ma túy và những ưu tiên trong năm 2012 - 2013", *Tạp chí Phòng chống ma túy,* số 2.
3. Trần Viết Trung (2012), "Việt Nam nỗ lực cùng cộng đồng quốc tế phòng chống tội phạm và ma túy trong khuôn khổ Kế hoạch chung Một Liên Hợp quốc", *Tạp chí Phòng chống ma túy,* số 5.
4. Trần Viết Trung (2012), "Bức tranh toàn cảnh tình hình ma túy thế giới", *Tạp chí Phòng chống ma túy,* số 6.
5. Trần Viết Trung (2012), "Việt Nam nỗ lực cùng các nước hướng tới một khu vực ASEAN không có ma túy", *Tạp chí Phòng chống ma túy,* số 8.
6. Trần Viết Trung (2013), "Điểm lại những sự kiện hợp tác quốc tế trong phòng chống ma túy nổi bật năm 2012 và phương hướng năm 2013", *Tạp chí Phòng chống ma túy,* số Tết 2013.
7. Trần Viết Trung (2014), "10 sự kiện hợp tác quốc tế phòng chống ma túy nổi bật năm 2013", *Tạp chí Phòng chống ma túy,* số Tết 2014.
8. Trần Viết Trung (2014), "Công tác phòng chống ma túy và điều trị cai nghiện tại Thái Lan", *Tạp chí Phòng chống ma túy,* số 11.
9. Trần Viết Trung, Lê Thị Thu Hằng (2017), "Hợp tác giữa Việt Nam và Liên Hợp quốc trên lĩnh vực phòng, chống ma túy (1997-2015)", *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 2 (109) (6/2017), tr. 20-56.
10. Trần Viết Trung (2017), "Vietnam in Drug Control Multilateral Cooperation within Mekong Sub-region", *International Studies*, 36 (June 2017), pp 229-240.